

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 23/4/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Hà

Ông Hà Văn Nâu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXPT-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1995 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: xóm T, xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh S quen biết nhau sau đó có nảy sinh tình cảm, thống nhất đi đến hôn nhân. Anh chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H vào ngày 25/01/2016. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục

địa phương, cưới xong chị về gia đình anh S làm dâu ngay. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến tháng 02/2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do giữa chị với chồng và bố mẹ chồng không thống nhất được nhiều vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt quản lý kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Giữa chị và bố mẹ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị và anh S có cãi vã và xảy ra xô xát. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 8/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không liên lạc, nói chuyện tình cảm với nhau, không quan tâm yêu thương gì nhau. Gia đình hai bên đã hoà giải nhưng vợ chồng không thể về đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Thế H1, sinh ngày 03/01/2017 và Nguyễn Thị Bảo H2, sinh ngày 02/12/2019, khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu H1, để anh S nuôi dưỡng cháu H2. Chị không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị T quen biết nhau sau đó có nảy sinh tình cảm, thống nhất đi đến hôn nhân. Hai vợ chồng kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H vào ngày 25/01/2016. Vợ chồng anh có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, cưới xong chị T về gia đình anh làm dâu ngay. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Ngoài những mâu thuẫn cãi nhau vặt vãnh thì mâu thuẫn trầm trọng nhất giữa hai vợ chồng anh là vào khoảng tháng 5/2019 thì khi vợ chồng mâu thuẫn, anh có tát chị T. Từ đó đến nay thì giữa hai vợ chồng anh không có mâu thuẫn trầm trọng, thì thoả thì hai vợ chồng cũng có sự bất đồng quan điểm với nhau nhưng sau đó hai vợ chồng lại hòa thuận. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ vào khoảng tháng 08/2020 cùng với con gái thứ hai của vợ chồng anh và ở nhà mẹ đẻ ở xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên từ đó đến nay. Anh có sang chơi với con nhiều lần cũng đồng thời sang khuyên ngăn, hòa giải và đón chị T về chung sống với anh để xây dựng cuộc sống vợ chồng nhưng chị T không về. Việc mâu thuẫn vợ chồng anh có được bố đẻ anh có gọi điện cho chị T để khuyên ngăn hòa giải mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nhưng chị T không biểu đạt quan điểm là về ở với nhau hay vẫn là cương quyết bỏ nhau. Từ khi chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay chưa bao giờ về đoàn tụ với anh. Nay chị T xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị T đồng ý để anh nuôi hai con chung thì anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Nguyễn Thế H2, sinh ngày 03/01/2017 và Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 02/12/2019. Nếu Tòa án xử ly hôn anh xin được cả hai con chung. Anh không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, chị T xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể về đoàn tụ với nhau. Tòa án có bác đơn xin ly hôn của chị thì chị cũng không về đoàn tụ với anh S để sống chung. Chị đủ điều kiện và khả năng nuôi con chung nên đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Bảo H1 cho chị nuôi dưỡng.

Bị đơn anh S trình bày: Anh không đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng anh không mâu thuẫn gì. Nếu chị T vẫn quyết ly hôn thì anh không đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Nếu Tòa án bác đơn thì anh cũng không có biện pháp cách thức gì để hai vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Với nội dung trên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2021/HNGĐ-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 02/12/2019. Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thế H2, sinh ngày 03/01/2017. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh S, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở anh S, chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000483 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo bản án cho các bên đương sự.

Ngày 14/01/2021 không đồng ý bản án sơ thẩm anh Nguyễn Văn S kháng cáo toàn bộ bản án. Với lý do: Bản án sơ thẩm giải quyết cho chị T ly hôn đơn phương nhưng chưa đưa ra được điều kiện chứng minh được anh và gia đình ngược đãi, bạo hành hay có hành vi nghiêm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; về nuôi con đề nghị chị T chứng minh rằng chị T có điều kiện vượt trội hơn so với anh về điều kiện kinh tế, điều kiện chăm sóc con đối với trường hợp đơn phương ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị T không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn S không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc ly hôn vì anh và chị T không có mâu thuẫn gì, mâu thuẫn do chị T nói, chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ, gia đình anh không đuổi chị T. Tòa án không đi điều tra mâu thuẫn bắt nguồn từ đâu, như thế nào? Về con chung giao cho chị T nuôi anh không đồng ý vì chị T đưa con về nhà ngoại thì nay ở nhà này nay ở nhà khác. Con gây yếu nên anh đã đón con về. chị T không chăm sóc con được tốt nhưng Tòa án vẫn giải quyết cho chị T được nuôi con chung. Hiện nay anh làm quản lý máy móc và hệ thống điện trong Công ty may trách nhiệm hữu hạn MIOSIN của Hàn Quốc, ở huyện H, thu nhập khoảng từ 12 triệu đồng đến 15 triệu đồng/tháng, khi anh đi làm bố anh trông các con, các cháu hiện ở với anh khỏe mạnh phát triển bình thường. Anh có đầy đủ điều kiện để nuôi con hơn chị T. Chị T làm tận tỉnh V xa nhà, thu nhập khoảng 8 triệu đồng/tháng, con phải đi gửi. Anh đề nghị Tòa xem xét cho anh và chị T về đoàn tụ để nuôi con. Trường hợp vẫn phải ly hôn thì anh đề nghị giao hai con cho anh nuôi và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị T trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo của anh S, anh S trình bày không đúng chị không còn tình cảm gì với anh S nên chị đề nghị được ly hôn. Chị về nhà ngoại vì anh S nhấn tin thì chỉ toàn xúc phạm chị. Gia đình nhà anh S xúc phạm chị. Chị đưa con về nhà ngoại là đưa con sang nhà bác chơi không phải như anh S nói, chị ở nhà bố mẹ chị. Anh S sang thăm con, đưa con đi không nói với chị và bố mẹ chị, con về nhà ngoại con có sút cân vì khi đó con sốt mọc răng không ăn được nên anh S nói là chị không chăm được con. Chị có về nhà thăm con sau khi anh S đón con. Hiện tại chị làm ở tỉnh V đây là Công ty của Trung Quốc, chị đi làm sáng đi tối về cách nhà khoảng 29km, lương khoảng từ 08 triệu đồng đến 9 triệu đồng/tháng, ngoài ra chị có làm thêm móng và mi vào cuối tuần thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con. Khi đi làm chị gửi con cho chị dâu trông. Chị đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn S nộp trong thời hạn và đúng thủ tục, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn ngày 25/01/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày: Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, về cách ứng xử trong các mối quan hệ. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã P để sinh sống từ tháng 8/2020. Từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, không liên lạc nói chuyện với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vợ chồng không thể về đoàn tụ. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh S và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Bản án sơ thẩm xử cho chị T được ly hôn. Anh S kháng cáo không đồng ý ly hôn. Đề nghị vợ chồng đoàn tụ để nuôi con. Xét kháng cáo của anh S. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh S trình bày anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi con, anh và chị T không có mâu thuẫn gì, chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ sinh sống. Tuy nhiên, anh cũng không có biện pháp nào để chị T về chung sống mặc dù tại phiên tòa Hội đồng xét xử tạo điều kiện để chị T và anh S hòa giải đoàn tụ. Chị T vẫn kiên quyết được ly hôn vì chị xác định không còn tình cảm với anh S. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng anh S, chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Do vậy, bản án sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn anh S là có căn cứ. Nên không chấp nhận kháng cáo của anh S.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh S, chị T có 02 con chung là Nguyễn Thế H2, sinh ngày 03/01/2017 và cháu Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 02/12/2019. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu H1, anh S yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Anh S, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Bản án sơ thẩm xử giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 02/12/2019. Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thế H2, sinh ngày 03/01/2017. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Anh S kháng cáo đề nghị được nuôi hai con chung. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn S. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa anh S trình bày: chị T không đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, anh S cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh chị T không đủ điều kiện nuôi con chung Nguyễn Thị Bảo H1. Hiện nay cả chị T, anh S đều đi làm Công ty có thu nhập, khi đi làm các con đều do người thân trông nom, chăm sóc, hiện cả anh S, chị T đều ở chung cùng bố mẹ. Do vậy, điều kiện nuôi con của anh S, chị T là như nhau. Mặt khác, hiện nay con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 02/12/2019 của chị T và anh S chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3

Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do vậy, bản án sơ thẩm giao chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 02/12/2019. Giao cho anh Nguyễn Văn Sơn trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thế H2, sinh ngày 03/01/2017 là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, anh S và chị T không có thỏa thuận nào khác giao con chung là cháu H1 cho anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nên không chấp nhận kháng cáo của anh S.

Từ nhận định, phân tích trên. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S. Nên căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi ly hôn anh S, chị T có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được cản trở anh S, chị T thực hiện quyền này.

Nếu sau này anh S, chị T là người trực tiếp nuôi con chứng minh được bên còn lại không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, thì có quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm: không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn S phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Bảo H1, sinh ngày 02/12/2019. Giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thế H2, sinh ngày 03/01/2017. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh S, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở anh S, chị T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000483 ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000606 ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Xác nhận anh Nguyễn Văn S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã Đồng Tân, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu THCTP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

